

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học/Nhóm
CBGD

Cầu lông - 14
Lương Anh Kiệt

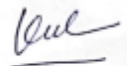
Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2125350115	Nguyễn Hoàng Bảo	An	27/09/2007	CCQ2535C	9	7.5	7		7.6	
2	2125350096	Nguyễn Tấn Tường	An	28/04/2005	CCQ2535C	10	7.5	7.5		8.1	
3	2125350103	Trương Nguyễn Hiếu	An	15/07/2007	CCQ2535C	10	6	7		7.5	
4	2125350082	Nguyễn Duy	Ân	13/12/2006	CCQ2535C	6	7	7.5		7	
5	2125350120	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	15/11/2007	CCQ2535C	4	7	7		6.3	
6	2125350122	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	30/07/2007	CCQ2535C	10	7.5	7		7.9	
7	2125350091	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/02/2007	CCQ2535C	4	8	8		7	
8	2125350119	Trịnh Thụy Quỳnh	Anh	20/12/2007	CCQ2535C	10	7	7		7.8	
9	2125350106	Trần Đình	Chức	12/04/2007	CCQ2535C	4	7	7		6.3	
10	2125350081	Vương Đình	Đạt	09/10/2007	CCQ2535C	4	7	7		6.3	
11	2125040150	Ngô Quốc	Dũng	28/08/2001	CCQ2504D	7	8.5	9		8.4	
12	2125350090	Nguyễn Trần Nhật	Duy	06/03/2007	CCQ2535C	4	8	9		7.5	
13	2125350110	Phạm Thị Khánh	Hà	29/11/2007	CCQ2535C	1	7	7		5.5	
14	2125350111	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/09/2007	CCQ2535C	7	7.5	8		7.6	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
15	2125350112	Huỳnh Ngọc Thanh	Hiền	05/05/2007	CCQ2535C	4	7	7		6.3	
16	2125350080	Dương Trung	Hoà	10/01/2005	CCQ2535C	4	7	7.5		6.5	
17	2125350108	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	07/12/2007	CCQ2535C	10	7	7		7.8	
18	2124350063	Lê Đình Quang	Huy	26/05/2006	CCQ2435B	1	7	6.5		5.3	
19	2124040021	Đình Trọng	Huyền	31/08/2006	CCQ2404A	10	7.5	7.5		8.1	
20	2125350113	Lý Vĩnh	Khang	27/09/2007	CCQ2535C	1	7	6.5		5.3	
21	2125350109	Trần Gia	Khang	29/10/2007	CCQ2535C	10	8.5	8.5		8.9	
22	2124040063	Nguyễn Minh	Khoa	25/08/2006	CCQ2404B	7	7	7		7	
23	2125350097	Bùi Võ Trúc	Linh	31/12/2007	CCQ2535C	10	7	7		7.8	
24	2125350140	Thị	Linh	24/09/2001	CCQ2535C	4	7	7.5		6.5	
25	2125350086	Huỳnh Tấn	Lộc	25/06/2007	CCQ2535C	4	7.5	7.5		6.6	
26	2125350085	Nguyễn Phước	Minh	28/04/2007	CCQ2535C	4	7	8.5		7	
27	2125350084	Lê Hoài	Nam	25/11/2005	CCQ2535C	3	8	8		6.8	
28	2125350117	Nguyễn Bảo	Ngọc	19/09/2007	CCQ2535C	8	7.5	8		7.9	
29	2125350141	Thiên Thị Mộng	Nguyệt	15/06/2007	CCQ2535C	7	7	7		7	
30	2125350076	Đỗ Thị Yến	Nhi	23/09/2007	CCQ2535C	10	8	7.5		8.3	
31	2125350134	Bá Thị Thiên	Nhiên	13/12/2007	CCQ2535C	10	8	8		8.5	
32	2125350100	Lê Tâm	Như	29/04/2007	CCQ2535C	3	7	7.5		6.3	
33	2125350116	Trần Nguyễn Thanh	Như	25/03/2007	CCQ2535C	7	7	7		7	

ST T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
34	2125350079	Lê Minh Thiên Phúc	13/09/2007	CCQ2535C	0	0	0		0	
35	2125350083	Lê Tài Phúc	08/09/2004	CCQ2535C	0	0	0		0	
36	2125350088	La Thị Bích Phượng	25/03/2007	CCQ2535C	7	7.5	7.5		7.4	
37	2124110208	Nguyễn Việt Quang	29/06/2006	CCQ2412B	7	7.5	7.5		7.4	
38	2125350098	Nguyễn Hữu Tài	14/11/2007	CCQ2535C	4	7	7.5		6.5	
39	2125350093	Huỳnh Quốc Thắng	06/11/2007	CCQ2535C	10	8	7		8	
40	2125040153	Trần Ngọc Thông	19/02/2007	CCQ2504D	10	8.5	9		9.1	
41	2125350114	Trần Anh Thư	12/08/2007	CCQ2535C	10	8	8		8.5	
42	2125350089	Trương Văn Thương	09/11/2007	CCQ2535C	4	7	8		6.8	
43	2125350107	Lê Thị Phương Thúy	27/12/2007	CCQ2535C	7	7	7		7	
44	2125350121	Nguyễn Ngọc Phương Thy	06/09/2007	CCQ2535C	10	7.5	7		7.9	
45	2125350123	Nguyễn Trần Trần	16/05/2007	CCQ2535C	7	7	7		7	
46	2125350118	Lương Ngọc Thủy Trúc	30/08/2007	CCQ2535C	7	7.5	8		7.6	
47	2125350104	Nguyễn Đức Trung	15/02/2007	CCQ2535C	7	7	7		7	
48	2125350092	Lê Hồng Xuyên	07/06/2007	CCQ2535C	7	8.5	8		7.9	
49	2125350099	Nguyễn Thụy Thiên Ý	17/09/2005	CCQ2535C	8	7.5	7		7.4	

TPHCM, ngày 22 tháng 06 năm 2026


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Cầu lông
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 14

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401614	1	2125350115	Nguyễn Hoàng Bảo	An	27/09/2007	CCQ2535C	7.6	4	5.4	
23401614	2	2125350096	Nguyễn Tấn Tường	An	28/04/2005	CCQ2535C	8.1	5	6.2	
23401614	3	2125350103	Trương Nguyễn Hiếu	An	15/07/2007	CCQ2535C	7.5	4	5.4	
23401614	4	2125350082	Nguyễn Duy	Ân	13/12/2006	CCQ2535C	7	7	7	
23401614	5	2125350120	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	15/11/2007	CCQ2535C	6.3	5	5.5	
23401614	6	2125350122	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	30/07/2007	CCQ2535C	7.9	7	7.4	
23401614	7	2125350091	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/02/2007	CCQ2535C	7	4	5.2	
23401614	8	2125350119	Trịnh Thụy Quỳnh	Anh	20/12/2007	CCQ2535C	7.8	4	5.5	
23401614	9	2125350106	Trần Đình	Chức	12/04/2007	CCQ2535C	6.3	0	2.5	
23401614	10	2125350081	Vương Đình	Đạt	09/10/2007	CCQ2535C	6.3	4	4.9	
23401614	11	2125040150	Ngô Quốc	Dũng	28/08/2001	CCQ2504D	8.4	5	6.4	
23401614	12	2125350090	Nguyễn Trần Nhật	Duy	06/03/2007	CCQ2535C	7.5	10	9	
23401614	13	2125350110	Phạm Thị Khánh	Hà	29/11/2007	CCQ2535C	5.5	4	4.6	
23401614	14	2125350111	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/09/2007	CCQ2535C	7.6	4	5.4	
23401614	15	2125350112	Huỳnh Ngọc Thanh	Hiền	05/05/2007	CCQ2535C	6.3	0	2.5	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401614	16	2125350080	Dương Trung	Hoà	10/01/2005	CCQ2535C	6.5	4	5	
23401614	17	2125350108	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	07/12/2007	CCQ2535C	7.8	3	4.9	
23401614	18	2124350063	Lê Đình Quang	Huy	26/05/2006	CCQ2435B	5.3	4	4.5	
23401614	19	2124040021	Đình Trọng	Huyền	31/08/2006	CCQ2404A	8.1	7	7.4	
23401614	20	2125350113	Lý Vĩnh	Khang	27/09/2007	CCQ2535C	5.3	4	4.5	
23401614	21	2125350109	Trần Gia	Khang	29/10/2007	CCQ2535C	8.9	7	7.8	
23401614	22	2124040063	Nguyễn Minh	Khoa	25/08/2006	CCQ2404B	7	7	7	
23401614	23	2125350097	Bùi Võ Trúc	Linh	31/12/2007	CCQ2535C	7.8	4	5.5	
23401614	24	2125350140	Thị	Linh	24/09/2001	CCQ2535C	6.5	2	3.8	
23401614	25	2125350086	Huỳnh Tấn	Lộc	25/06/2007	CCQ2535C	6.6	7	6.8	
23401614	26	2125350085	Nguyễn Phước	Minh	28/04/2007	CCQ2535C	7	4	5.2	
23401614	27	2125350084	Lê Hoài	Nam	25/11/2005	CCQ2535C	6.8	9	8.1	
23401614	28	2125350117	Nguyễn Bảo	Ngọc	19/09/2007	CCQ2535C	7.9	7	7.4	
23401614	29	2125350141	Thiên Thị Mộng	Nguyệt	15/06/2007	CCQ2535C	7	4	5.2	
23401614	30	2125350076	Đỗ Thị Yến	Nhi	23/09/2007	CCQ2535C	8.3	9	8.7	
23401614	31	2125350134	Bá Thị Thiên	Nhiên	13/12/2007	CCQ2535C	8.5	3	5.2	
23401614	32	2125350100	Lê Tâm	Như	29/04/2007	CCQ2535C	6.3	2	3.7	
23401614	33	2125350116	Trần Nguyễn Thanh	Như	25/03/2007	CCQ2535C	7	4	5.2	
23401614	34	2125350079	Lê Minh Thiên	Phúc	13/09/2007	CCQ2535C	0	0	0	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401614	35	2125350083	Lê Tài	Phúc	08/09/2004	CCQ2535C	0	0	0	
23401614	36	2125350088	La Thị Bích	Phượng	25/03/2007	CCQ2535C	7.4	4	5.4	
23401614	37	2124110208	Nguyễn Việt	Quang	29/06/2006	CCQ2412B	7.4	6	6.6	
23401614	38	2125350098	Nguyễn Hữu	Tài	14/11/2007	CCQ2535C	6.5	7	6.8	
23401614	39	2125350093	Huỳnh Quốc	Thắng	06/11/2007	CCQ2535C	8	8	8	
23401614	40	2125040153	Trần Ngọc	Thông	19/02/2007	CCQ2504D	9.1	9	9	
23401614	41	2125350114	Trần Anh	Thư	12/08/2007	CCQ2535C	8.5	7	7.6	
23401614	42	2125350089	Trương Văn	Thương	09/11/2007	CCQ2535C	6.8	5	5.7	
23401614	43	2125350107	Lê Thị Phương	Thúy	27/12/2007	CCQ2535C	7	6	6.4	
23401614	44	2125350121	Nguyễn Ngọc Phương	Thy	06/09/2007	CCQ2535C	7.9	4	5.6	
23401614	45	2125350123	Nguyễn Trần	Trân	16/05/2007	CCQ2535C	7	5	5.8	
23401614	46	2125350118	Lương Ngọc Thủy	Trúc	30/08/2007	CCQ2535C	7.6	10	9	
23401614	47	2125350104	Nguyễn Đức	Trung	15/02/2007	CCQ2535C	7	4	5.2	
23401614	48	2125350092	Lê Hồng	Xuyến	07/06/2007	CCQ2535C	7.9	5	6.2	
23401614	49	2125350099	Nguyễn Thụy Thiên	Ý	17/09/2005	CCQ2535C	7.4	0	3	

TPHCM, ngày 12 tháng 07 năm 2026

Quê
Lương Anh Kiệt